

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60 /2016/QĐ-UBND

Lâm Đồng ngày 21 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 3337/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

Số TT	Các đối tượng	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	
			Địa bàn Đà Lạt, Bảo Lộc và Đức Trọng	Các địa bàn còn lại
I	Hộ gia đình (không sản xuất, kinh doanh); hộ gia đình kinh doanh nhỏ, lẻ không phải nộp thuế môn bài			

a	Thu theo hộ	đồng/hộ/tháng	30.000	25.000
b	Thu theo nhân khẩu	đồng/người/tháng	8.000	5.000
2	Hộ gia đình buôn bán phải nộp thuế môn bài			
a	Khối lượng rác dưới 2m ³ /tháng	đồng/hộ/tháng	140.000	125.000
b	Khối lượng rác từ 2m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000
3	Trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức	đồng/tháng	160.000	120.000
4	Khối trường học (từ mầm non đến Đại học)			
a	Khối lượng rác dưới 2m ³ /tháng	đồng/tháng	160.000	120.000
b	Khối lượng rác từ 2m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000
5	Nhà trọ			
a	Khối lượng rác dưới 2m ³ /tháng	đồng/tháng	290.000	240.000
b	Khối lượng rác từ 2m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000
6	Khách sạn, nhà nghỉ và các cơ sở lưu trú			
a	Khối lượng rác dưới 2m ³ /tháng	đồng/tháng	390.000	300.000
b	Khối lượng rác từ 2m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000
7	Nhà hàng, quán ăn			
a	Khối lượng rác dưới 2m ³ /tháng	đồng/tháng	390.000	300.000
b	Khối lượng rác từ 2m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000

8	Các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh	đồng/m ³	230.000	190.000
9	Các cơ sở y tế			
a	Bệnh viện	đồng/m ³	300.000	230.000
b	Trung tâm y tế	đồng/m ³	290.000	240.000
c	Trạm xá, phòng khám có nội trú; Phòng khám và trị bệnh không nội trú; Phòng khám bệnh tư nhân (Trường hợp khối lượng rác trên 2m ³ /cơ sở/ tháng thì thu như Trung tâm y tế).	đồng/tháng	160.000	120.000
10	Các điểm tham quan du lịch	đồng/m ³	325.000	250.000
11	Lò giết mổ tập trung; bến xe, bãi xe	đồng/m ³	325.000	250.000
12	Các đối tượng buôn bán tại các chợ			
a	Khối lượng rác dưới 1m ³ /tháng	đồng/tháng	45.000	30.000
b	Khối lượng rác từ 1m ³ /tháng trở lên	đồng/m ³	230.000	190.000
13	Các công trình xây dựng	đồng/m ³	325.000	250.000
14	Dịch vụ rút nước thải trong hầm cầu	đồng/m ³	300.000	250.000
15	Vệ sinh công cộng	đồng/người/lượt	2.000	2.000

Điều 2.

1. Căn cứ mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này và tình hình thực tế tại địa phương, các tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt quyết định cụ thể mức giá đối với từng đối tượng trên địa bàn sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Giao Sở Tài chính và Cục Thuế tỉnh hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016

của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục Trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-/

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt